



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh

Điện thoại: 02046 285 678

Email: : moitruong@fec.com.vn

Chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315



VILAS 1315

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 05369/2025/PKQ.25.2733

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Công ty Cổ phần XDTM và KS Hoàng Phúc
Địa chỉ	Khu 6, thị trấn Na Sầm, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn
Địa điểm quan trắc	Dự án: Đầu tư Khai thác Đá Vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ Lũng Cù, xã Hoàng Việt, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn
Loại mẫu	Không khí xung quanh
Vị trí quan trắc	KXQ.01: Mẫu khí xung quanh tại khu vực nhà dân gần mỏ đá Tọa độ: X=2437737, Y=435554
Ngày quan trắc	25/06/2025
Ngày phân tích	25/06/2025 đến 01/07/2025
Ngày trả kết quả	01/07/2025

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 05:2023/BTNMT Trung bình 1 giờ
				KXQ.01	
1	Nhiệt độ ^(*)	°C	QCVN 46:2022/BTNMT	36,3	-
2	Độ ẩm ^(*)	%RH	QCVN 46:2022/BTNMT	64,0	-
3	Tốc độ gió ^(*)	m/s	QCVN 46:2022/BTNMT	<0,6	-
4	Độ rung	dB	TCVN 6963:2001	47,3	70 ^a
5	Tiếng ồn ^(*)	dBA	TCVN 7878-2:2018	66,9	70 ^b
6	NO ₂	µg/Nm ³	TCVN 6137: 2009	<25	200
7	SO ₂	µg/Nm ³	TCVN 5971: 1995	37	350
8	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ^(*)	µg/Nm ³	TCVN 5067: 1995	172	300
9	CO	µg/Nm ³	TN/K.06	5.117	30.000

Ghi chú:

- QCVN 05:2023/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí ;
- (a) QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Độ rung;
- (b) QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Tiếng ồn;
- "<": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- (-): Không quy định; - (*): Thông số đã được công nhận Vilas.

Bắc Ninh, ngày 01 tháng 07 năm 2025

NGƯỜI LẬP

P. TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

ĐẠI DIỆN CÔNG TY

Nguyễn Thị Cẩm Nhung

Trịnh Thị Thanh



GIÁM ĐỐC DỰ ÁN

Phan Văn Cường

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;
2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.
3. Quá thời hạn lưu mẫu. Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;
BM03.QT/CL09 - LBH: 01



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh

Điện thoại: 02046 285 678

Email: : moitruong@fec.com.vn

Công bố đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động theo văn bản số: 377/BC-SYT

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315



VILAS 1315

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 05370/2025/PKQ.25.2733

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Công ty Cổ phần XDTM và KS Hoàng Phúc
Địa chỉ	Khu 6, thị trấn Na Sầm, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn
Địa điểm quan trắc	Dự án: Đầu tư Khai thác Đá Vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ Lũng Cù, xã Hoàng Việt, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn
Loại mẫu	Không khí môi trường lao động
Vị trí quan trắc	KLV.01: Mẫu khí làm việc tại khu vực văn phòng Tọa độ: X=2437834, Y=435920 KLV.02: Mẫu khí làm việc tại khu vực trạm nghiền Tọa độ: X=2437879, Y=435955
Ngày quan trắc	25/06/2025
Ngày phân tích	25/06/2025 đến 01/07/2025
Ngày trả kết quả	01/07/2025

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả		QCVN 03:2019/BYT Giới hạn tiếp xúc ngắn (STEL)
				KLV.01	KLV.02	
1	Nhiệt độ(*)	°C	QCVN 46:2022/BTNMT	30,4	33,5	-
2	Độ ẩm(*)	%RH	QCVN 46:2022/BTNMT	79,1	66,9	-
3	Tốc độ gió(*)	m/s	QCVN 46:2022/BTNMT	<0,6	<0,6	-
4	Tiếng ồn(*)	dBA	TCVN 7878-2:2018	60,6	64,9	85 ^a
5	Độ rung (Gia tốc rung)	m/s ²	TCVN 6963:2001	0,002	0,001	1,4 ^b
6	CO	mg/m ³	TN/K.06	3,886	3,730	40
7	NO ₂	mg/m ³	TCVN 6137: 2009	KPH (MDL=0,008)	KPH (MDL=0,008)	10
8	SO ₂	mg/m ³	TCVN 5971: 1995	0,029	0,032	10
9	Tổng bụi lơ lửng (TSP)(*)	mg/m ³	TCVN 5067: 1995	0,171	0,194	8 ^c

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

BM03.QT/CL09 - LBH: 01



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh

Điện thoại: 02046 285 678

Email: : moitruong@fec.com.vn

Công bố đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động theo văn bản số: **377/BC-SYT**

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: **VILAS 1315**

KHÁC EỊỆT TẠO NẸN GIÁ TRỊ

Số: **05370/2025/PKQ.25.2733**

Ghi chú:

- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc;
- (-) Không quy định, theo QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc không áp dụng cho cho những nơi làm việc ngoài trời;
- (a) QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;
- (b) QCVN 27:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung;
- (c) QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- (*): Thông số đã được công nhận Vilas.

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thị Cẩm Nhung

P. TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

Trịnh Thị Thanh

Bắc Ninh, ngày 01 tháng 07 năm 2025

ĐẠI DIỆN CÔNG TY



GIÁM ĐỐC DỰ ÁN

Phan Văn Cường



1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;
2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.
3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh

Điện thoại: 02046 285 678

Email: : moitruong@fec.com.vn

Công bố đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động theo văn bản số: 377/BC-SYT

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315



VILAS 1315

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 05371/2025/PKQ.25.2733

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Công ty Cổ phần XDTM và KS Hoàng Phúc
Địa chỉ	Khu 6, thị trấn Na Sầm, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn
Địa điểm quan trắc	Dự án: Đầu tư Khai thác Đá Vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ Lũng Cù, xã Hoàng Việt, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn
Loại mẫu	Không khí môi trường lao động
Vị trí quan trắc	KL.V.03: Mẫu khí làm việc tại khu vực khai trường Tọa độ: X=2437981, Y=436024
Ngày quan trắc	25/06/2025
Ngày phân tích	25/06/2025 đến 01/07/2025
Ngày trả kết quả	01/07/2025

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 03:2019/BYT Giới hạn tiếp xúc ngắn (STEL)
				KL.V.03	
1	Nhiệt độ(*)	°C	QCVN 46:2022/BTNMT	37,2	-
2	Độ ẩm(*)	%RH	QCVN 46:2022/BTNMT	55,3	-
3	Tốc độ gió(*)	m/s	QCVN 46:2022/BTNMT	<0,6	-
4	Tiếng ồn(*)	dBA	TCVN 7878-2:2018	60,4	85 ^a
5	Độ rung (Gia tốc rung)	m/s ²	TCVN 6963:2001	0,002	1,4 ^b
6	CO	mg/m ³	TN/K.06	3,890	40
7	NO ₂	mg/m ³	TCVN 6137: 2009	KPH (MDL=0,008)	10
8	SO ₂	mg/m ³	TCVN 5971: 1995	0,031	10
9	Tổng bụi lơ lửng (TSP)(*)	mg/m ³	TCVN 5067: 1995	0,183	8 ^c

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

BM03.QT/CL09 - LBH: 01



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh

Điện thoại: 02046 285 678

Email: : moitruong@fec.com.vn

Công bố đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động theo văn bản số: 377/BC-SYT

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

Số: 05371/2025/PKQ.25.2733

Ghi chú:

- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc;
- (-) Không quy định, theo QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc không áp dụng cho những nơi làm việc ngoài trời;
- (a) QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;
- (b) QCVN 27:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung;
- (c) QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- (*): Thông số đã được công nhận Vilas.

NGƯỜI LẬP

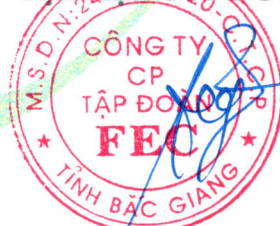
Nguyễn Thị Cẩm Nhung

P. TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

Trịnh Thị Thanh

Bắc Ninh, ngày 01 tháng 07 năm 2025

ĐẠI DIỆN CÔNG TY



GIÁM ĐỐC DỰ ÁN

Phan Văn Cường



1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;
2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.
3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh

Điện thoại: 02046 285 678

Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 05372/2025/PKQ.25.2733

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Công ty Cổ phần XDTM và KS Hoàng Phúc
Địa chỉ	Khu 6, thị trấn Na Sầm, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn
Địa điểm quan trắc	Dự án: Đầu tư Khai thác Đá Vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ Lũng Cù, xã Hoàng Việt, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn
Loại mẫu	Nước mặt
Vị trí quan trắc	NM.01: Mẫu nước mặt tại ao gần khu vực mỏ đá Tọa độ: X=2437768, Y=435649
Ngày quan trắc	25/06/2025
Ngày phân tích	25/06/2025 đến 01/07/2025
Ngày trả kết quả	01/07/2025

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 08:2023/BTNMT Bảng 3 - Mức phân loại chất lượng nước (mức B)
				NM.01	
1	pH ^(*)	-	TCVN 6492:2011	7,1	6 ÷ 8,5
2	BOD ₅ ^(*)	mg/L	SMEWW 5210B:2023	<3	≤ 6
3	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	<9	≤ 15
4	Hàm lượng oxy hòa tan (DO)	mg/L	TCVN 7325:2016	5,5	≥ 5
5	TSS ^(*)	mg/L	TCVN 6625:2000	<3	≤ 15
6	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N) ^(*)	mg/L	TCVN 6179-1: 1996	KPH (MDL=0,02)	-
7	Clorua (Cl ⁻) ^(*)	mg/L	TCVN 6194: 1996	<6	-
8	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	1,4	-
9	Coliform	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B:2023	490	≤ 5.000

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

BM03.QT/CL09 - LBH: 01



KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh

Điện thoại: 02046 285 678

Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: **VIMCERTS 279**

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: **VILAS 1315**

Số: **05372/2025/PKQ.25.2733**

Ghi chú:

- QCVN 08:2023/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt;
- Bảng 3: Giá trị giới hạn các thông số trong nước mặt phục vụ cho việc phân loại chất lượng nước hồ, ao, đầm và bảo vệ môi trường sống dưới nước. Mức B: Chất lượng nước trung bình. Hệ sinh thái trong nước tiêu thụ nhiều oxy hoà tan do một lượng lớn chất ô nhiễm. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- " < ": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- (-): Không quy định;
- (*): Thông số đã được công nhận Vilas.

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thị Cẩm Nhung

P. TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

Trịnh Thị Thanh

Bắc Ninh, ngày 01 tháng 07 năm 2025

ĐẠI DIỆN CÔNG TY



GIÁM ĐỐC DỰ ÁN

Phan Văn Cường



1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

BM03.QT/CL09 - LBH: 01



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh

Điện thoại: 02046 285 678

Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: **VIMCERTS 279**

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: **VILAS 1315**

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: **06983/2025/PKQ.25.3671**

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Công ty Cổ phần XDTM và KS Hoàng Phúc
Địa chỉ	Khu 6, xã Na Sầm, tỉnh Lạng Sơn (Khu 6, thị trấn Na Sầm, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn cũ)
Địa điểm quan trắc	Dự án: Đầu tư Khai thác Đá Vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ Lũng Cùn, xã Na Sầm, tỉnh Lạng Sơn (Khu 6, Thị trấn Na Sầm, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn cũ)
Loại mẫu	Nước mặt
Vị trí quan trắc	NM.01: Mẫu nước mặt tại suối cách dự án khoảng 500m thuộc thôn Lù Thắm, xã Na Sầm, tỉnh Lạng Sơn (Toạ độ X = 22.037137, Y = 106.635878) NM.02: Mẫu nước mặt tại suối cách dự án khoảng 450m thuộc thôn Lù Thắm, xã Na Sầm, tỉnh Lạng Sơn (Toạ độ X = 22.036084; Y = 106.635440)
Ngày nhận mẫu	25/08/2025- Mẫu do khách hàng gửi đến
Ngày phân tích	26/08/2025 đến 03/09/2025
Ngày trả kết quả	03/09/2025

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả		QCVN 08:2023/BTNMT Bảng 2 - Mức phân loại chất lượng nước (mức B)
				NM.01	NM.02	
1	pH ^(*)	-	SMEWW 4500H ⁺ :2023	7,02	7,12	6 ÷ 8,5
2	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	54	56	≤ 15
3	Hàm lượng oxy hòa tan (DO) ^(a)	mg/L	TCVN 7325:2016	4,3	4,2	≥ 5
4	TSS ^(*)	mg/L	TCVN 6625:2000	57	57	≤ 100
5	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N) ^(*)	mg/L	TCVN 6179-1: 1996	0,12	<0,08	-
6	Clorua (Cl ⁻) ^(*)	mg/L	TCVN 6194: 1996	KPH (MDL=2)	KPH (MDL=2)	-
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	0,050	0,107	-
8	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	2.300	3.300	≤ 5.000

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

BM03.QT/CL09 - LBH: 01



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh

Điện thoại: 02046 285 678

Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: **VIMCERTS 279**

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: **VILAS 1315**

KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

Số: **06983/2025/PKQ.25.3671**

Ghi chú:

- QCVN 08:2023/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt;
- Bảng 2: Giá trị giới hạn các thông số trong nước mặt phục vụ cho việc phân loại chất lượng nước sông, suối, kênh, mương, khe, rạch và bảo vệ môi trường sống dưới nước. Mức B: Chất lượng nước trung bình. Hệ sinh thái trong nước tiêu thụ nhiều oxy hoà tan do một lượng lớn chất ô nhiễm. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- "<": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- (-): Không quy định;
- (*): Thông số đã được công nhận Vilas;
- (a): Thông số được đo tại thời điểm nhận mẫu theo yêu cầu của khách hàng.

Bắc Ninh, ngày 03 tháng 09 năm 2025

NGƯỜI LẬP

P. TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

Nguyễn Thị Cẩm Nhung

Trịnh Thị Thanh



GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

Nguyễn Minh Quang



1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

BM03.QT/CL09 - LBH: 01



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh

Điện thoại: 02046 285 678

Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 06984/2025/PKQ.25.3680

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Công ty Cổ phần XDTM và KS Hoàng Phúc
Địa chỉ	Khu 6, xã Na Sầm, tỉnh Lạng Sơn (Khu 6, thị trấn Na Sầm, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn cũ)
Địa điểm lấy mẫu	Dự án: Đầu tư Khai thác Đá Vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ Lũng Cù, xã Na Sầm, tỉnh Lạng Sơn (Khu 6, Thị trấn Na Sầm, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn cũ)
Loại mẫu	Nước mặt
Thông tin mẫu gửi	NM.01: Mẫu nước mặt tại suối cách dự án khoảng 500m thuộc thôn Lù Thảm, xã Na Sầm, tỉnh Lạng Sơn (Toạ độ X = 22.037137, Y = 106.635878) NM.02: Mẫu nước mặt tại suối cách dự án khoảng 450m thuộc thôn Lù Thảm, xã Na Sầm, tỉnh Lạng Sơn (Toạ độ X = 22.036084; Y = 106.635440)
Ngày nhận mẫu	25/08/2025- Mẫu do khách hàng gửi đến
Ngày phân tích	26/08/2025 đến 03/09/2025
Ngày trả kết quả	03/09/2025

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả		QCVN 08:2023/BTNMT Bảng 2 - Mức phân loại chất lượng nước (mức B)
				NM.01	NM.02	
1	BOD ₅ (*)	mg/L	SMEWW 5210B:2023	10	9	≤ 6

Ghi chú:

- QCVN 08:2023/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt;
- Bảng 2: Giá trị giới hạn các thông số trong nước mặt phục vụ cho việc phân loại chất lượng nước sông, suối, kênh, mương, khe, rạch và bảo vệ môi trường sống dưới nước. Mức B: Chất lượng nước trung bình. Hệ sinh thái trong nước tiêu thụ nhiều oxy hoà tan do một lượng lớn chất ô nhiễm. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp;
- (*): Thông số đã được công nhận Vilas.

Bắc Ninh, ngày 03 tháng 09 năm 2025

NGƯỜI LẬP

P. TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

ĐẠI DIỆN CÔNG TY



Nguyễn Thị Cẩm Nhung

Trịnh Thị Thanh

GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH
Nguyễn Minh Quang

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

BM03.QT/CL09 - LBH: 01



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh

Điện thoại: 02046 285 678

Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

VILAS 1315

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 05373/2025/PKQ.25.2733

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Công ty Cổ phần XDTM và KS Hoàng Phúc
Địa chỉ	Khu 6, thị trấn Na Sầm, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn
Địa điểm quan trắc	Dự án: Đầu tư Khai thác Đá Vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ Lũng Cù, xã Hoàng Việt, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn
Loại mẫu	Nước dưới đất
Vị trí quan trắc	NDD.01: Mẫu nước giếng khoan phục vụ sinh hoạt trong khu vực mỏ đá Tọa độ: X=2437883, Y=435667
Ngày quan trắc	25/06/2025
Ngày phân tích	25/06/2025 đến 01/07/2025
Ngày trả kết quả	01/07/2025

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 09:2023/BTNMT Giá trị giới hạn
				NDD.01	
1	pH ^(*)	-	TCVN 6492:2011	6,9	5,8 ÷ 8,5
2	Hàm lượng oxy hòa tan (DO)	mg/L	TCVN 7325: 2016	6,9	-
3	TSS ^(*)	mg/L	TCVN 6625:2000	KPH (MDL=5)	-
4	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	<9	-
5	BOD ₅ ^(*)	mg/L	SMEWW 5210B:2023	<3	-
6	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N) ^(*)	mg/L	TCVN 6179-1: 1996	KPH (MDL=0,02)	1
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	1,1	15
8	Clorua (Cl ⁻) ^(*)	mg/L	TCVN 6194: 1996	<6	250
9	Coliform	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B:2023	KPH (MDL=1,8)	3

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

BM03.QT/CL09 - LBH: 01



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh

Điện thoại: 02046 285 678

Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: **VIMCERTS 279**

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: **VILAS 1315**

KHÁC ELET TẠO NỀN GIÁ TRỊ

Số: **05373/2025/PKQ.25.2733**

Ghi chú:

- QCVN 09:2023/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất ;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp;
MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- " < " : Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- (-): Không quy định; - (*): Thông số đã được công nhận Vilas.

Bắc Ninh, ngày **01 tháng 07 năm 2025**

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thị Cẩm Nhung

**P. TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH**

Trịnh Thị Thanh

ĐẠI DIỆN CÔNG TY



GIÁM ĐỐC DỰ ÁN

Phan Văn Cường





CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678

Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 05192/2025/PKQ.25.2769

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Công ty Cổ phần XDTM và KS Hoàng Phúc
Địa chỉ	Khu 6, thị trấn Na Sầm, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn
Địa điểm quan trắc	Dự án: Đầu tư Khai thác Đá Vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ Lũng Cù, xã Hoàng Việt, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn
Loại mẫu	Đất
Vị trí quan trắc	Đ.01: Mẫu đất trong khu vực mỏ. Tọa độ: X=2437889, Y=435918 Đ.02: Mẫu đất ngoài khu vực mỏ. Tọa độ: X=2437766, Y=435545
Ngày quan trắc	20/06/2025
Ngày phân tích	23/06/2025 đến 27/06/2025
Ngày trả kết quả	27/06/2025

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả		QCVN 03:2023/BTNMT Giá trị giới hạn - Loại 3
				Đ.01	Đ.02	
1	Asen (As)	mg/kg	US EPA Method 3050B+ US EPA Method 7010	9,7	8,6	200
2	Cadimi (Cd)	mg/kg	US EPA Method 3050B+ US EPA Method 7010	0,37	0,21	60
3	Chì (Pb)	mg/kg	US EPA Method 3050B+ US EPA Method 7010	5,7	3,3	700
4	Đồng (Cu)	mg/kg	US EPA Method 3050B+ US EPA Method 7000B	9,2	62,1	2.000
5	Kẽm (Zn)	mg/kg	US EPA Method 3050B+ US EPA Method 7000B	46,3	73,7	2.000

Ghi chú:

- QCVN 03:2023/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng đất.

Bắc Giang, ngày 28 tháng 06 năm 2025

NGƯỜI LẬP

P. TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

ĐẠI DIỆN CÔNG TY



Nguyễn Thị Cẩm Nhung

Trịnh Thị Thanh

GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH
Nguyễn Minh Quang

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

BM03.QT/CL09 - LBH: 01



HATICO VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM
PHÒNG THỬ NGHIỆM – VIMCERTS 269 - VILAS 1349

Đ/c: Số 45, ngách 14/20, ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, P. Thanh Liệt, TP Hà Nội
Đ/c PTN: Liền kề lô số 16, ô số 31, dự án khu đô thị mới Kim Chung - Di Trạch,
xã Hoài Đức, thành phố Hà Nội

Tel: 0936.175.507

Email: haticovietnam2016@gmail.com

Số: 07229/2026/PKQ/26.4503



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG SỐ DELTA
Địa chỉ : Số nhà 11 ngách 61/17 đường Phùng Chí Kiên, Phường Nghĩa Đô, TP Hà Nội, Việt Nam
Tên mẫu : Dự án đầu tư khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ Lũng Cù, xã Na Sầm, tỉnh Lạng Sơn
- NM.050626-021- Nước mặt sông Kỳ Cùng đoạn gần khu vực dự án, (NM1)
- NM.050626-022- Nước mặt suối gần khu vực dự án thuộc thôn Lù Thắm, xã Na Sầm, (NM2)
Tên mẫu/ Loại mẫu : Nước mặt Số lượng mẫu: 02
Ngày nhận mẫu : 05/06/2026 Ngày hoàn thành thử nghiệm: 26/06/2026

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		QCVN 08:2023/ BTNMT
				NM1	NM2	Bảng 2, Mức B
1	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	6,85	6,91	6,0-8,5
2	BOD ₅ ^(b)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	1,7	5,6	≤ 6
3	COD ^(b)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	3,1	13,4	≤ 15
4	TSS ^(b)	mg/L	TCVN 6625:2000	7,8	8,5	≤ 100
5	Oxy (oxygen) hòa tan (DO) ^(b)	mg/l	TCVN 7325:2016	5,49	6,83	≥ 5,0
6	Tổng Nito ^(b)	mg/L	SMEWW 4500-N.C:2023+ SMEWW 4500-NO ₃ .E:2023	0,45	0,52	≤ 1,5
7	Tổng Coliform ^(b)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	8,3×10 ²	8,1×10 ²	≤ 5.000
8	Coliform chịu nhiệt ^(b)	MPN/100ml	SMEWW 9221B&E:2023	1,8×10 ²	2,0×10 ²	≤ 1.000

Ghi chú:

+ Mẫu do khách hàng gửi đến, tên mẫu và thông tin mẫu do khách hàng cung cấp

Quy chuẩn so sánh: QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt

Bảng 2: Giá trị giới hạn các thông số trong nước mặt phục vụ cho việc phân loại chất lượng nước sông, suối, kênh, mương, khe, rạch và bảo vệ môi trường sống dưới nước (Mức B: Chất lượng nước trung bình. Hệ sinh thái trong nước tiêu thụ nhiều oxy hòa tan do một lượng lớn chất ô nhiễm. Nước

1. (-) Không quy định

3. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận Vimcerts

5. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ

7. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.

2. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận Vilas

4. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) được công nhận bởi Sở Y tế Hà Nội

6. Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm

8. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.)

CÁN BỘ QA/QC



Hoàng Thị Kim Anh

Hà Nội, ngày 26 tháng 06 năm 2026



ThS. Nguyễn Văn Hòa

1. (-) Không quy định
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận Vimecerts
5. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ
7. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.

2. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận Vilas
4. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) được công nhận bởi Sở Y tế Hà Nội
6. Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm
8. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM
PHÒNG THỬ NGHIỆM – VIMCERTS 269 - VILAS 1349

Đ/c: Số 45, ngách 14/20, ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, P. Thanh Liệt, TP Hà Nội
Đ/c PTN: Liền kề lô số 16, ô số 31, dự án khu đô thị mới Kim Chung - Di Trạch,
xã Hoài Đức, thành phố Hà Nội

Tel: 0936.175.507

Email: haticovietnam2016@gmail.com

Số: 07231/2026/PKQ/26.4503



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG SỐ DELTA
Địa chỉ : Số nhà 11 ngách 61/17 đường Phùng Chí Kiên, Phường Nghĩa Đô, TP Hà Nội, Việt Nam
Tên mẫu : Dự án đầu tư khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ Lũng Cù, xã Na Sầm, tỉnh Lạng Sơn
- KLV.050626-025- Vị trí tại khu vực chế biến đá, (KK2)
- KLV.050626-026- Vị trí tại khu vực khai trường, (KK3)
Tên mẫu/ Loại mẫu : Không khí khu vực làm việc Số lượng mẫu: 03
Ngày nhận mẫu : 05/06/2026 Ngày hoàn thành thử nghiệm: 26/06/2026

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		QCVN 03:2019/BYT
				KK2	KK3	
1	Nitơ dioxide (NO ₂) ^(c)	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,025	0,027	10
2	Sulfur dioxide (SO ₂) ^(c)	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,026	0,032	10
3	CO ^(c)	mg/m ³	QTPT/KK/CO/07	3,257	3,343	40
4	Bụi tổng ^(c)	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,14	0,135	8 ⁽¹⁾

Ghi chú:

+ KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

+ Mẫu do khách hàng gửi đến, tên mẫu và thông tin mẫu do khách hàng cung cấp

Quy chuẩn so sánh: QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc (Giới hạn tiếp xúc ngắn (STEL))

+ ⁽¹⁾ **QCVN 02:2019/BYT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

CÁN BỘ QA/QC

Hoàng Thị Kim Anh

Hà Nội, ngày 26 tháng 06 năm 2026



ThS. Nguyễn Văn Hòa

1. (-) Không quy định
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận Vimcerts
5. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ
7. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.

2. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận Vilas
4. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) được công nhận bởi Sở Y tế Hà Nội
6. Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm
8. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM
PHÒNG THỬ NGHIỆM – VIMCERTS 269 - VILAS 1349

Đ/c: Số 45, ngách 14/20, ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, P. Thanh Liệt, TP Hà Nội
Đ/c PTN: Liền kề lô số 16, ô số 31, dự án khu đô thị mới Kim Chung - Di Trạch,
xã Hoài Đức, thành phố Hà Nội

Tel: 0936.175.507

Email: haticovietnam2016@gmail.com

Số: 07230/2026/PKQ/26.4503



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG SỐ DELTA
Địa chỉ : Số nhà 11 ngách 61/17 đường Phùng Chí Kiên, Phường Nghĩa Đô, TP Hà Nội, Việt Nam
Tên mẫu : Dự án đầu tư khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ Lũng Cù, xã Na Sầm, tỉnh Lạng Sơn
- KXQ.050626-047- Vị trí tại Tuyến đường đi vào dự án đoạn ngã 3 giao với QL4A, (KK1)
- KXQ.050626-050- Vị trí nhà dân gần khu vực dự án, (KK4)
Tên mẫu/ Loại mẫu : Không khí xung quanh Số lượng mẫu: 02
Ngày nhận mẫu : 05/06/2026 Ngày hoàn thành thử nghiệm: 26/06/2026

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		QCVN 05:2023/ BTNMT
				KK1	KK4	Trung bình 1 giờ
1	SO ₂ ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	24	28	350
2	CO ^(b)	µg/Nm ³	HD.LM15/CO/KKXQ	3.428	3.447	30.000
3	NO ₂ ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	35	43	200
4	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995	101	88	300

Ghi chú:

+ KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

+ Mẫu do khách hàng gửi đến, tên mẫu và thông tin mẫu do khách hàng cung cấp

Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/ BTNMT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng Không khí

CÁN BỘ QA/QC

Hoàng Thị Kim Anh

Hà Nội, ngày 26 tháng 06 năm 2026



ThS. Nguyễn Văn Hòa

1. (-) Không quy định
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận Vincerts
5. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ
7. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.

2. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận Vilas
4. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) được công nhận bởi Sở Y tế Hà Nội
6. Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm
8. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.